

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/DS-PT
Ngày 08-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài
Bà Trần Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1984; trú tại: khu phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng Sơn T, sinh năm 1984; trú tại: Số A, tổ A, đường T, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 23/9/2019).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Thành V, sinh năm 1985; trú tại: Số A, khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Võ Văn K, sinh năm 1976; trú tại: Số N, tổ A, khu A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 24/10/2019).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1986; trú tại: Số A, khu phố B, phường B, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người kháng cáo: Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phạm Thành V là ông Võ Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M.

Cơ quan kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:* Bà Nguyễn Thị Bích H và vợ chồng bà Trần Thị M, ông Phạm Thành V có quan hệ là đồng nghiệp. Phát sinh từ quan hệ bạn bè đồng nghiệp nên khoảng từ năm 2014 đến 2015, bà H có cho ông V và bà M vay tiền nhiều lần, không nhớ rõ cụ thể thời gian và số tiền mỗi lần vay tiền. Những lần cho vay tiền không làm giấy tờ vì bà H tin tưởng bạn bè. Việc cho vay không tính lãi vì bà H và bà M rất thân nhau và cùng làm chung ngân hàng. Sau này số tiền mượn nhiều nên bà H có yêu cầu làm giấy nợ và ngày 01/12/2015, ông Phạm Thành V có ký và viết họ tên vào “Biên nhận kiêm giấy vay tiền” với nội dung ông V có nợ của bà H số tiền 2.400.000.000 đồng. Thực tế, thì ông V và bà M sống chung với nhau từ năm 2014 có một đứa con rồi đến năm 2015 mới kết hôn. Những lần vay tiền đều do ông V và bà M cùng vay. Đến khi làm giấy vay tiền thì bà M vẫn còn làm chung với bà H tại Ngân hàng T nên bà M để cho ông V đứng ký giấy tờ để tránh tiếng người trong cùng cơ quan cho mượn tiền với nhau. Ông V cam kết trả số tiền vay nêu trên trong vòng một năm và bà H không tính lãi. Từ lúc vay tiền đến nay ông V không trả cho bà H khoản tiền nào.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông Phạm Thành V và bà Trần Thị M phải trả cho bà H số tiền nợ gốc 2.400.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính từ ngày 03/12/2016 đến ngày 17/6/2019 (ngày khởi kiện); mức lãi suất trong năm 2016 là 9%/năm; từ 01/01/2017 đến 17/6/2019 là 10%/năm, tổng cộng tiền lãi tính tròn là 627.000.000 đồng. Tổng cộng yêu cầu trả tiền gốc và lãi là 3.027.000.000 đồng.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà H là giấy Biên nhận kiêm vay tiền đề ngày 01/12/2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc. Riêng về số tiền lãi, khi khởi kiện do tính nhầm lẫn nên chưa chính xác, tính lại chính xác là từ ngày 03/12/2016 đến ngày 17/6/2019, mức lãi suất trong năm 2016 là 9%/năm; từ 01/01/2017 đến 17/6/2019 là 10%/năm, tổng cộng tiền lãi tính tròn là 607.000.000 đồng. Tổng cộng yêu cầu trả tiền gốc và lãi là 3.007.000.000 đồng.

- *Bị đơn ông Phạm Thành V trình bày:* Ông V và bà H trước đây là bạn bè, có hùn hạp làm ăn và ông V có vay tiền của bà H nhưng đã thanh toán đầy đủ cho bà H. Thực tế, ông V không có vay số tiền 2.400.000.000 đồng của bà H. Do đó, ông V không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H với những lý do sau: Bà H cho rằng số tiền 2.400.000.000 đồng không phải vay một lần mà vay nhiều lần trước đó. Tuy nhiên, tại giấy biên nhận kiêm vay tiền không ghi vay nhiều lần, không ghi cụ thể số lần vay và số tiền, thời gian của mỗi lần vay; giữa bà H và ông V, bà M không họ hàng thân thuộc tại sao bà H lại không tính lãi là không phù hợp; việc vay tiền từ năm 2015 tại sao đến năm 2019 mới khởi kiện là vô lý.

Ngoài ra, người đại diện hợp pháp của bị đơn không đồng ý với Kết luận giám định số 466/GĐ-PC09 ngày 04/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương và đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để trưng cầu giám định lại chữ ký, chữ viết “Phạm Thành V” trong giấy Biên nhận kiêm giấy vay tiền lập ngày 01/12/2015 do nguyên đơn cung cấp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M trình bày:* Bà M là vợ của ông Phạm Thành V và là bạn bè đồng nghiệp với bà H. Trước khi kết hôn với bà, ông V có hùn hạp làm ăn với bà H, đến khoảng cuối năm 2015 bà M và ông V có vay số tiền 280.000.000 đồng của bà H, không tính lãi. Đến tháng 4, tháng 5 năm 2016, bà M và ông V đã trả số tiền này cho bà H. Việc vay tiền và trả tiền không có làm giấy tờ. Trước yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà M không đồng ý, đề nghị Tòa án xem xét.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc ông Phạm Thành V và bà Trần Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 3.007.000.000 đồng (ba tỷ không trăm lẻ bảy triệu đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 2.400.000.000 đồng và 607.000.000 đồng tiền lãi.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí giám định, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/11/2019, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phạm Thành V và ngày 04/12/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M đều kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 06/12/2019, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/2019/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương theo hướng chỉ buộc bị đơn ông V bồi thường số tiền gốc và tiền lãi chậm trả là 3.007.000.0000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đồng thời, người đại diện hợp pháp của bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để giám định bổ sung thời gian, chữ ký, chữ viết họ tên “Phạm Thành V” dưới mục bên vay trong giấy Biên nhận kiêm giấy vay tiền lập ngày 01/12/2015 để xác định chữ ký, chữ viết được viết ra trước hay sau so với các nội dung của giấy Biên nhận kiêm giấy vay tiền lập ngày 01/12/2015.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu ông V, bà M trả cho bà H tiền nợ gốc 2.400.000.000 đồng và tiền lãi 607.000.000 đồng, tổng cộng 3.007.000.000 đồng. Căn cứ vào giấy Biên nhận kiêm vay tiền lập ngày 01/12/2015 giữa nguyên đơn bà H với bị đơn ông V thì chữ ký của ông V trong giấy biên nhận trên phù hợp với Kết luận giám định số 466/GĐ-PC09 ngày 04/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương; đến hạn trả nợ nhưng ông V không trả tiền cho bà H là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, ông V phải trả số tiền 2.400.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là phù hợp với Điều 471, khoản 1 Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M phải liên đới cùng với bị đơn ông V trả nợ cho bà H là không phù hợp. Bởi lẽ, tại giấy Biên nhận kiêm vay tiền lập ngày 01/12/2015 bên vay chỉ có ông V ký tên. Thời điểm ký giấy vay tiền tuy bà M và ông V đang trong thời kỳ hôn nhân nhưng không có chứng cứ chứng minh bà M có sử dụng số tiền vay này vào mục đích phục vụ cuộc sống hằng ngày của bà M và ông V.

Ngoài ra, nguyên đơn cho rằng Biên nhận kiêm vay tiền lập ngày 01/12/2015 là kết quả chốt những khoản nợ với ông V của những năm 2014, 2015 nhưng không xác định được thời điểm nào trong năm 2014, 2015. Trong khi, ông V và bà M kết hôn vào ngày 26/9/2015 nên có căn cứ để xác định số nợ mà nguyên đơn yêu cầu phát sinh trước khi ông V, bà M kết hôn.

Do đó, kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Văn bản ủy quyền ngày 24/10/2019, có nội dung ông Phạm Thành V ủy quyền cho ông Võ Văn K kháng cáo bản án sơ thẩm. Do đó, ông K đại diện cho ông V nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 272 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn không đồng ý với Kết luận giám định số 466/GĐ-PC09 ngày 04/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương và đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để giám định bổ sung thời gian, chữ ký, chữ viết họ tên “Phạm Thành V” dưới mục bên vay trong giấy Biên nhận kiêm giấy vay tiền lập ngày 01/12/2015 để xác định chữ ký, chữ viết được viết ra trước hay sau so với các nội dung của giấy Biên nhận kiêm giấy vay tiền lập ngày 01/12/2015. Tuy nhiên, người đại diện hợp pháp của bị đơn không có chứng cứ chứng minh thể hiện Kết luận giám định số 466/GĐ-PC09 ngày 04/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương là chưa rõ, chưa đầy đủ. Căn cứ vào Điều 102 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Luật Giám định tư pháp: *“Việc giám định bổ sung được thực hiện trong trường hợp nội dung kết luận giám định chưa rõ, chưa đầy đủ hoặc khi phát sinh vấn đề mới liên quan đến tình tiết của vụ án, vụ việc đã được kết luận giám định trước đó...”*. Xét thấy, yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị đơn tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm chỉ làm thay đổi nội dung chứ không phải bổ sung giám định trước hay giám định lại nhằm kéo dài việc giải quyết vụ án nên không cần thiết. Do đó, không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

- Theo giấy “Biên nhận kiêm giấy vay tiền” ngày 01/12/2015 có nội dung: *“Ông Phạm Thành V có mượn của bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 2.400.000.000 đồng, cam kết trả lại số tiền trên cho bà H trong thời hạn 1 năm”*. Bà H khai nội dung giấy Biên nhận kiêm giấy vay tiền ngày 01/12/2015 do bà H đánh máy, ông V ký và ghi họ tên vào mục bên vay.

Quá trình giải quyết vụ án, ông V thừa nhận có vay tiền của bà H nhiều lần nhưng đã trả, việc vay và trả tiền đều không viết giấy. Ông V xác định chữ viết họ tên và chữ ký trong giấy Biên nhận kiêm giấy vay tiền do bà H cung cấp không phải do ông viết và ký tên.

Ngày 01/11/2019, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết họ tên của ông V trong giấy Biên nhận kiêm giấy vay tiền ngày 01/12/2015. Tại Bản kết luận giám định số 466/GĐ-PC09 ngày 04/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương đã kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên Phạm Thành V dưới mục “bên vay” trên 01 (một) “Biên nhận kiêm giấy vay tiền” đề ngày 01/12/2015 (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ

viết họ tên Phạm Thành V trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M10) do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy, có căn cứ xác định ông Phạm Thành V là người ký tên và viết họ tên dưới mục bên vay tại giấy Biên nhận kiêm giấy vay tiền đề ngày 01/12/2015 do bà H cung cấp nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ là giấy Biên nhận kiêm giấy vay tiền ngày 01/12/2015 đã được giám định để tuyên buộc ông V phải trả nợ số tiền 2.400.000.000 đồng cho bà H là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

Căn cứ giấy Biên nhận kiêm giấy vay tiền lập ngày 01/12/2015 giữa bà H và ông V, chữ ký của ông V trong giấy Biên nhận kiêm giấy vay tiền ngày 01/12/2015 phù hợp với Kết luận giám định số 466/GĐ-PC09 ngày 04/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương thì đến hạn trả nợ nhưng ông V không trả tiền cho bà H là vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

Đồng thời, giấy Biên nhận kiêm giấy vay tiền ngày 01/12/2015 chỉ có nội dung ông V vay của bà H số tiền 2.400.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất nhưng thỏa thuận thời hạn vay tiền là 01 năm, thuộc trường hợp vay có kỳ hạn, không lãi suất nên bà H khởi kiện yêu cầu ông V trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tính từ ngày 03/12/2016 là phù hợp với quy định tại Điều 471, khoản 4 Điều 474 và khoản 1 Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền tiền nợ gốc 2.400.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 03/12/2016 đến ngày khởi kiện 17/6/2019, mức lãi suất trong năm 2016 là 9%/năm, từ 01/01/2017 đến 17/6/2019 là 10%/năm. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 05 tháng 11 năm 2019 (BL 121), người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi là 607.000.000 đồng là phù hợp đối với yêu cầu khởi kiện nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của ông V không thừa nhận có việc vay tiền của bà H nhưng ông V không có chứng cứ chứng minh chữ ký trong giấy biên nhận kiêm giấy vay tiền không phải là của ông V; ông V, bà M không đưa ra được chứng cứ chứng minh về việc ông V không vay tiền của bà H, cũng như việc ông V xác lập, thực hiện giao dịch vay tiền của bà H không vì nhu cầu của gia đình theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 “*Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do một bên xác lập, thực hiện không vì nhu cầu của gia đình*” mà sử dụng toàn bộ số tiền vào mục đích khác như buôn lậu, đánh bạc, tiêu xài cá nhân.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử tuyên buộc trách nhiệm liên đới đối với ông V và bà M có trách nhiệm trả nợ cho bà H là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định trách nhiệm liên đới của vợ, chồng:

“1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”.

Và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 “...2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”.

Đồng thời, tại Tòa án cấp phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M cũng thừa nhận có biết việc vay nợ của ông V với bà H nên có nhắn tin với bà H, cam kết trả nợ cho bà H. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông V và bà M liên đới hoàn trả số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có cơ sở, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ gì khác chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Đồng thời, cũng không có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát chưa phù hợp.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông Võ Văn K (người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phạm Thành V) và bà Trần Thị M phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, Điều 293, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 27, 37, 45 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/2019/QĐKNPT-VKS-DS ngày 06/12/2019 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương và yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn K (người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phạm Thành V); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn K (người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phạm Thành V) và bà Trần Thị M mỗi người phải chịu số tiền

300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0036503 ngày 25/11/2019 (ông Võ Văn K nộp) và số AA/2016/0036580 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã (nay là thành phố) T;
- TAND thị xã (nay là thành phố) T ;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng